

PHỤ LỤC: Kèm theo Công văn số 2359/S GD&ĐT-QLCL ngày 25/12/2017
của Sở Giáo dục và Đào tạo.

NỘI DUNG

I. NỘI DUNG CHÍNH:

1. PHẦN VĂN: Văn học Việt Nam - Chương trình Ngữ văn 10.

1.1. Văn học dân gian:

Các thể loại:

- Sứ thi.
- Truyền thuyết.
- Truyện cổ tích.
- Truyện cười.
- Truyền thơ.
- Ca dao.
- Tục ngữ.
- Chèo.

1.2. Văn học trung đại:

* Các thể loại:

- Thơ.
- Phú.
- Thư.
- Cáo.
- Tựa.
- Sứ kí.
- Truyền.
- Ngâm khúc.
- Truyện thơ Nôm.

* Chú trọng các tác giả sau đây:

- Phạm Ngũ Lão.
- Đặng Dung.
- Trương Hán Siêu.
- Nguyễn Trãi.
- Nguyễn Bỉnh Khiêm.
- Đặng Trần Côn.
- Nguyễn Gia Thiều.
- Nguyễn Du.

2. PHẦN LÀM VĂN:

2.1. **Nghị luận xã hội:** Các chủ đề tình bạn, gia đình, nhà trường, xã hội.

2.2. **Nghị luận văn học:** Văn học dân gian, văn học trung đại.

II. THỜI GIAN LÀM BÀI – CẤU TRÚC ĐỀ:

1. Thời gian làm bài: 180 phút.

2. Đề thi gồm 2 câu:

- Nghị luận xã hội (8 điểm).
- Nghị luận văn học (12 điểm).

* Tổng điểm toàn bài: 20 điểm.

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ

Về các cấp độ nhận thức (*CV số 3718/BGDDT-GDTrH ngày 15/8/2017 của Bộ GD&ĐT*)

NB: Nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kỹ năng đã học.

TH: Diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kỹ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách riêng của mình, phân tích, giải thích, so sánh, áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập.

VD: Kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học.

VDC: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn; đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống./.

Câu 1	Chủ đề	NB	TH	VD	VDC
Nghị luận XH (8 điểm)	Chọn 1 hoặc kết hợp trong các chủ đề sau: tình bạn, gia đình, nhà trường, xã hội	?	?	?	?
Điểm (%)		00	30	40	30

Nêu chi tiết yêu cầu về cấp độ nhận thức tại phần đánh dấu hỏi (?)

Câu 2	Chủ đề	NB	TH	VD	VDC
Nghị luận VH (12 điểm)	Chỉ chọn 1 hoặc kết hợp các thể loại: - Văn học dân gian: Sứ thi, Truyền thuyết, Truyện cổ tích, Truyện cười, Truyện thơ, Ca dao, Tục ngữ, Chèo. - Văn học trung đại: Thơ, Phú, Thư, Cáo, Tựa, Sứ kí, Truyền, Ngâm khúc, Truyền thơ Nôm.	?	?	?	?
Điểm (%)		00	30	40	30

Nêu chi tiết yêu cầu về cấp độ nhận thức tại phần đánh dấu hỏi (?)

PHỤ LỤC: Kèm theo Công văn số 2359/SGDĐT-QLCL ngày 25/12/2017
của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Môn: NGỮ VĂN – Khối 11

-----00-----

NỘI DUNG

I. NỘI DUNG CHÍNH:

1/ PHẦN VĂN: Văn học Việt Nam - Chương trình Ngữ văn 11.

1.1. Văn học trung đại:

- Thể loại:

- + Thơ (lục bát, song thất lục bát, hát nói, Đường luật, hành ...).
- + Văn xuôi tự sự chữ Hán.
- + Văn tế.
- + Chiếu.
- + Kịch bản tuồng.

- Tác giả và tác phẩm:

Bao gồm các tác giả và tác phẩm được chọn giảng dạy trong chương trình ngữ văn 11 nâng cao. Đặc biệt lưu ý các tác giả sau:

- + Nguyễn Đình Chiểu.
- + Hồ Xuân Hương.
- + Nguyễn Khuyến.
- + Tú Xương.

2.2. Văn học hiện đại:

- Thể loại:

- + Thơ.
- + Truyện.
- + Văn nghị luận, chính luận.

- Tác giả và tác phẩm:

Bao gồm các tác giả và tác phẩm được chọn giảng dạy trong chương trình Ngữ văn 11 nâng cao. Đặc biệt lưu ý các tác giả sau:

- + Tản Đà.
- + Xuân Diệu.
- + Nguyễn Bính.
- + Nam Cao.
- + Nguyễn Tuân.

2/ PHẦN LÀM VĂN:

2.1. Nghị luận xã hội: Các chủ đề tình bạn, gia đình, nhà trường, xã hội.

2.2. Nghị luận văn học: Văn học trung đại, văn học hiện đại.

II. THỜI GIAN LÀM BÀI – CẤU TRÚC ĐỀ:

1/ Thời gian làm bài: 180 phút.

2/ Đề thi gồm 2 câu:

- Nghị luận xã hội (8 điểm).
- Nghị luận văn học (12 điểm).
- Tổng điểm toàn bài: 20 điểm.

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ

Về các cấp độ nhận thức (*CV số 3718/BGDDT-GDTrH ngày 15/8/2017 của Bộ GDĐT*)

NB: Nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kỹ năng đã học.

TH: Diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kỹ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách riêng của mình, phân tích, giải thích, so sánh, áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập.

VD: Kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học.

VDC: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn; đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

Câu 1	Chủ đề	NB	TH	VD	VDC
Nghị luận XH (8 điểm)	Chọn 1 hoặc kết hợp trong các chủ đề sau: tình bạn, gia đình, nhà trường, xã hội	?	?	?	?
Điểm (%)		00	30	40	30

Nêu chi tiết yêu cầu về cấp độ nhận thức tại các phần đánh dấu hỏi (?)

Câu 2	Chủ đề	NB	TH	VD	VDC
Nghị luận VH (12 điểm)	Chọn 1 hoặc kết hợp các chủ đề: - Văn học trung đại + Thơ (lục bát, song thất lục bát, hát nói, Đường luật, hành ...). + Văn xuôi tự sự chữ Hán. + Văn tế. + Chiếu. + Kịch bản tuồng. - Văn học hiện đại + Thơ. + Truyện. + Văn nghị luận, chính luận.	?	?	?	?
Điểm (%)		00	30	40	30

Nêu chi tiết yêu cầu về cấp độ nhận thức tại các phần đánh dấu hỏi (?)

PHỤ LỤC: Kèm theo Công văn số 2359/SGDĐT-QLCL ngày 25/12/2017
của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Môn: LỊCH SỬ - Khối 10

-----oOo-----

(Học theo chương trình SGK Lịch Sử 10)

STT	PHẦN – CHƯƠNG	NỘI DUNG (Theo thứ tự bài trong sách giáo khoa lớp 10 – nâng cao)
1	Lịch Sử Thế Giới (6 bài)	Bài 10: Các nước Đông Nam Á giữa thế kỷ XIX. Bài 11: Văn hóa truyền thống Đông Nam Á. Bài 12: Vương quốc Campuchia và vương quốc Lào. Bài 16: Những phát kiến lớn về địa lý. Bài 17: Sự ra đời của CNTB ở Tây Âu. Bài 18: Phong trào văn hóa phục hưng.
2	Lịch Sử Việt Nam (8 bài)	Bài 25: Chính sách đô hộ của các triều đại PK phương Bắc và những chuyển biến trong xã hội Việt Nam. Bài 26: Các cuộc chiến tranh giành độc lập (I - V). Bài 27: Các cuộc chiến tranh giành độc lập (V - X). Bài 28: Xây dựng và phát triển nhà nước độc lập thống nhất (X - XV) Bài 30: Kháng chiến chống ngoại xâm (X - XV). Bài 31: Xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc (X - XV). Bài 32: Việt Nam ở thế kỉ XV – thời Lê sơ. Bài 33: Chiến tranh phong kiến và sự chia cắt đất nước.

Cấu trúc đề thi

- Cấp độ nhận thức NB=0%, TH=30%, VD=40%, VDC=30%
- Thời gian của đề thi là 180 phút.
- Mỗi đề gồm 5 bài, mỗi bài có thể có nhiều câu hỏi nhỏ.
- Điểm tối đa cho một bài là 4 điểm.

CÂU TRÚC & MA TRẬN ĐỀ THI OLIMPIC

MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 10

I. Câu trúc

1. Thời gian làm bài: **180 phút**
2. Hình thức thi: **tự luận**
3. Câu trúc đề thi: **gồm 05 bài**
4. Nội dung ma trận theo sách giáo khoa lớp 10 - Nâng cao

II. Ma trận đề thi

Chủ đề	Cấp độ		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Cộng
	Số câu	Số điểm					
Đông Nam Á thời phong kiến (<i>Các nước Đông Nam Á giữa thế kỷ XIX; Văn hóa truyền thống Đông Nam Á; Vương quốc Campuchia và vương quốc Lào</i>) (Bài 1)	Số câu				1		1
	Số điểm				4,0		4,0
Sự suy vong của chế độ phong kiến ở Tây Âu (<i>Những phát triển lớn về địa lý; Sự ra đời của CNTB ở Tây Âu; Phong trào văn hóa Phục hưng</i>) (Bài 2)	Số câu				1		1
	Số điểm				4,0		4,0
Thời Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc từ thế kỉ II TCN đến thế kỉ X (<i>Chính sách đô hộ của các triều đại PK phương Bắc và những chuyển biến trong xã hội Việt Nam; Các cuộc chiến tranh giành độc lập thế kỷ I – V; Các cuộc chiến tranh giành độc lập thế kỷ V – X).</i> (Bài 3)	Số câu				1		1
	Số điểm				4,0		4,0
Xây dựng và phát triển nhà nước độc lập thống nhất thế kỷ X – XV; Kháng chiến chống ngoại xâm thế kỷ X – XV.	Số câu				1		1
	Số điểm				4,0		4,0

(Bài 4)	Số câu	1			1
Xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc thế kỷ X – XV; Việt Nam ở thế kỉ XV – thời Lê sơ; Chiến tranh phong kiến và sự chia cắt đất nước.	Số điểm	4,0			4,0
(Bài 5)		1	2	2	5
Tổng số câu		4,0	8,0	8,0	20,0
Tỉ lệ %		20%	40%	40%	100%

PHỤ LỤC: Kèm theo Công văn số 2359/SGDĐT-QLCL ngày 25/12/2017
của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Môn: LỊCH SỬ - Khối 11

-----oOo-----

STT	PHẦN – CHƯƠNG	NỘI DUNG (Theo thứ tự bài trong sách giáo khoa lớp 11)
1	Lịch Sử Thế Giới (6 bài)	<u>Bài 4:</u> Cuộc Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII <u>Bài 12:</u> Công xã Paris (1871) <u>Bài 15:</u> Nhật Bản <u>Bài 17:</u> Trung Quốc <u>Bài 23:</u> Cách Mạng Tháng 10 Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 – 1921). <u>Bài 31:</u> Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)
2	Lịch Sử Việt Nam (7 bài)	<u>Bài 33:</u> Việt nam trước nguy cơ bị thực dân Pháp xâm lược <u>Bài 34:</u> Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858- 1884). <u>Bài 35:</u> Trào lưu cải cách, duy tân ở Việt Nam trong những năm cuối thế kỷ XIX <u>Bài 36:</u> Phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỷ XIX. <u>Bài 37:</u> Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội và tư tưởng ở Việt Nam đầu thế kỷ XX <u>Bài 38:</u> Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914) <u>Bài 40:</u> Sự khởi đầu của một khuynh hướng cứu nước mới trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam

QUY CÁCH RA ĐỀ THI ĐỀ NGHỊ

- Cấp độ nhận thức NB=0%, TH=30%, VD=40%, VDC=30%
- Thời gian của đề thi là 180 phút.
- Mỗi đề gồm 5 bài, mỗi bài có thể có nhiều câu hỏi nhỏ.
- Điểm tối đa cho một bài là 4 điểm.

CÂU TRÚC & MA TRẬN ĐỀ THI OLIMPIC
MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 11

I. Câu trúc

1. Thời gian làm bài: **180 phút**
2. Hình thức thi: **tự luận**
3. Câu trúc đề thi: **gồm 05 bài**
4. Nội dung ma trận theo sách giáo khoa lớp 11 - Nâng cao

II. Ma trận đề thi

Chủ đề	Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Cộng
Cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII; Công xã Pari (1871); Các nước châu Á từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX (Nhật Bản; Trung Quốc).	Số câu		1			1
	Số điểm		4,0			4,0
Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 – 1921); Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945).	Số câu			1	1	1
	Số điểm			4,0	4,0	4,0
Việt nam trước nguy cơ bị thực dân Pháp xâm lược; Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858- 1884); Trào lưu cải cách, Duy Tân ở Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX.	Số câu		1			1
	Số điểm		4,0			4,0
Phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX;	Số câu		1			1

Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội và tư tưởng ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. (Bài 4)	Số điểm		4,0		4,0
Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914); Sự khởi đầu của một khuynh hướng cứu nước mới trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam (Bài 5)	Số câu		1	1	
Tổng số câu	Số điểm		4,0	4,0	4,0
Tổng điểm		1	2	2	5
Tỉ lệ %		40%	40%	20%	100%

